TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HTN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2023.
Về việc: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HTN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Hoài Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tâm;

2. Ông Thông Minh Tấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Duy Khánh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện HTN - tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HTN tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân HTN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HNGĐST-QĐ ngày 19/01/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/SĐST-HNGĐ ngày 17/02/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2023/TB-TA ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Hàn N - sinh năm 1995** *(vắng mặt)*

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành T - sinh năm 1992** *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: số 133, đội 2, thôn TC, xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hàn N trình bày: Bà và ông T quen biết yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận vào năm 2020. Sau khi kết hôn bà và ông T sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng về sau thì bà và ông T bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và bất đồng dù đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không thể nào

cải thiện được mối quan hệ. Ông T tự ý lấy số điện thoại của cha mẹ bà để vay tiền xã hội đen để làm gì thì bà không biết rõ. Khi không trả được tiền thì những người thân trong gia đình bà liên tục bị xã hội đen quậy phá, khủng bố điện thoại, gây hoang mang trong gia đình làm ảnh hưởng đến cuộc sống của mọi người. Hiện nay ông T đã đi làm ăn xa không chịu về với gia đình nên hiện nay tình cảm của vợ chồng bà không còn, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc ai, để giải thoát cho nhau nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thiên H (sinh ngày 26/01/2020) hiện nay, cháu H đang ở với bà tại thôn TC, xã TQ, huyện HTN. Nguyện vọng của bà sau khi ly hôn sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên H. Bà Nguyễn Thị Hàn N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Thành T không hợp tác, không đến Tòa án do vậy không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Tại thời điểm khởi kiện, ông T đã không có mặt tại xã TQ, huyện HTN khoảng 05 tháng trước khi bà N làm đơn khởi kiện. Ông T không thuộc trường hợp phải khai báo với chính quyền địa phương khi đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 31 Luật cư trú mà ông T phải có nghĩa vụ đăng ký tạm trú hoặc thay đổi hộ khẩu thường trú tại địa chỉ sinh sống hoặc nơi làm việc mới. Kể từ khi thụ lý vụ án ngày 31/5/2022 đến nay, Tòa án:

- Không thể tiến hành tống đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn không còn cư trú, làm việc tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp mà chỉ thực hiện được thủ tục niêm yết tại thôn TC, xã TQ, huyện HTN và tại nhà của nguyên đơn;

- Đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được do không biết chính xác *"...địa chỉ cụ thể ở đâu..."*;

- Tòa án đã thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn theo quy định của pháp luật (thực hiện theo yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát) nhưng đến nay vẫn không có kết quả; vẫn không thể xác định được địa chỉ mới của bị đơn;

- Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng (báo Công lý và đài truyền hình VTV) nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn giải quyết trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được Thông báo thụ lý vụ án do bị đơn không còn cư trú, làm việc tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp quy định: *"... Trường hợp không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này mà Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn...nhưng nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn...theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ mới của bị đơn...thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này…".*

Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tụng tố tụng:

1.1 Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành T và cung cấp địa chỉ của bị đơn ở: số 133, đội 2, thôn TC, xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện HTN, tỉnh Bình Thuận thụ lý vụ án để giải quyết là phù hợp pháp luật.

1.2 Xét yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN, HĐXX thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn ông T theo địa chỉ bà Hàn N cung cấp cho Tòa án nhưng không tiến hành việc tống đạt trực tiếp được và đã tiến hành xác minh thông tin địa chỉ cư trú của ông T. Theo đó, kết quả xác minh cho thấy ông T có chung sống và cư trú với bà N từ khi đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận vào ngày 10/02/2020 đến cuối năm 2021 thì đi khỏi địa phương và hiện tại không còn cư trú tại xã TQ, huyện HTN; Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho ông T, đồng thời yêu

cầu bà Nguyễn Thị Hàn N cung cấp số điện thoại và địa chỉ mới của ông T cho Tòa án. Qua liên lạc với ông T bằng số điện thoại (0898225042) thì ông T được Tòa án thông báo việc khởi kiện của bà N và yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ hiện tại và yêu cầu ông T đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng ông T không chấp hành. Sau đó, Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh tình trạng cư trú của ông T theo địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông T ở (thôn TX 2, xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng), nhưng kết quả xác minh cho thấy ông Nguyễn Thành T có đăng ký hộ khẩu thường trú ở địa chỉ nói trên nhưng không cư trú tại xã LT, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2020 đến nay, gia đình không rõ ông T hiện đang làm gì ở đâu nên không có cơ sở để Tòa án chuyển vụ án cho TAND thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo thẩm quyền. Ngoài ra, bà N cũng không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông T. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Thành T là thôn TC, xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận và việc ông T không cung cấp địa chỉ mới cho bà N và Tòa án là cố ý giấu địa chỉ và trốn tránh tham gia tố tụng.

Ngoài các biện pháp tống đạt, Tòa án đã thực hiện thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để tìm kiếm đối với ông T nhưng ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Mặt khác, bà N luôn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định: Địa chỉ "nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từng cư trú, làm việc hoặc có trụ sở mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh. Do vậy, HĐXX tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và không chấp nhận yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HTN.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Nguyễn Thành T vắng mặt lần thứ 2 và đã hết thời hạn thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] về quan hệ hôn nhân: Với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều bất

đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài; nguyên đơn thừa nhận giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, hiện nay hai bên đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống (đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay), không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong các buổi lấy lời khai, bản tự khai, công khai chứng cứ...bà Nguyễn Thị Hàn N đều kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T vì hiện nay giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, muốn được ly hôn để giải thoát cho nhau.

Hơn thế nữa Tòa án đã tống đạt triệu tập nhiều lần và tiến hành mở các phiên hòa giải; Tòa án đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông T, ra thông báo tìm kiếm vắng mặt nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng ông Nguyễn Thành T đều vắng mặt, điều này cho thấy ông T cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn Thị Hàn N.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hàn N và ông Nguyễn Thành T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn N.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hàn N và ông Nguyễn Thành T có 01 con chung tên Nguyễn Thiên H - sinh ngày 26/01/2020. Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu H luôn ở với bà N tại đội 6, thôn TC, xã TQ, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận. Lúc bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T thì cháu H dưới 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Hàn N có nguyện vọng sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thiên H. Do vậy, để đảm bảo cho cháu Nguyễn Thiên H cuộc sống ổn định, phát triển tâm sinh lý bình thường HĐXX giao con chung tên Nguyễn Thiên H - sinh ngày 26/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hàn N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

[3.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hàn N không yêu cầu ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hàn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 143; Điều 144;

khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 266, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hàn N, bà Nguyễn Thị Hàn N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên H - sinh ngày 26/01/2020 cho bà Nguyễn Thị Hàn N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hàn N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006343 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HTN. Bà Nguyễn Thị Hàn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THA dân sự huyện HTN;
- Các đương sự;
- UBND xã TQ, huyện HTN;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tân